

Câu 41: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây **không thuộc** vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Phú Quốc. B. Vân Phong. C. Năm Căn. D. Định An.

Câu 42: Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam rộng khoảng

- A. 1,0 triệu km². B. 1,5 triệu km². C. 2,5 triệu km². D. 3,0 triệu km².

Câu 43: Quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam cả trên đất liền và trên biển là

- A. Trung Quốc B. Ma-lai-xi-a C. Thái Lan D. Lào

Câu 44: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có số lượng đàn bò lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Trị. D. Nghệ An.

Câu 45: Dựa vào Atlát địa lý Việt Nam trang 15, đô thị có quy mô dân số dưới 500 nghìn người (năm 2007) là

- A. Hạ Long B. Đà Nẵng C. Biên Hòa D. Cần Thơ

Câu 46: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cửa khẩu nào sau đây giao lưu giữa Bắc Trung Bộ với Lào?

- A. Cầu Treo, Lao Bảo. B. Bờ Y, Lê Thanh. C. Tây Trang, Hữu Nghị. D. Cầu Treo, Bờ Y

Câu 47: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có mưa nhiều từ tháng IX đến tháng XII?

- A. Đà Lạt. B. Sa Pa. C. Nha Trang. D. Thanh Hóa.

Câu 48: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Khánh Hòa. B. Quảng Ngãi. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 49: Các cao nguyên ba dan ở nước ta phân bố chủ yếu ở

- A. Vùng núi Trường Sơn Bắc. B. Vùng núi Đông Bắc. C. Vùng núi Tây Bắc. D. Vùng núi Trường Sơn Nam.

Câu 50: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Mã. B. Sông Đà. C. Sông Chu. D. Sông Cả.

Câu 51: Dựa vào Atlát địa lý Việt Nam trang 9, hãy cho biết ở nước ta, vào tháng 6 và tháng 7, các cơn bão hoạt động chủ yếu ở khu vực nào

- A. Ven biển các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. B. Ven biển các tỉnh Quảng Trị, Thừa - Thiên Huế. C. Ven biển các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng. D. Ven biển Nam Trung Bộ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13 và 14, cho biết dãy núi nào sau đây là ranh giới tự nhiên giữa miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Hoành Sơn. B. Hoàng Liên Sơn. C. Bạch Mã. D. Con Voi.

Câu 53: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp Cà Mau **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Luyện kim. B. Hóa chất. C. Cơ khí. D. Vật liệu xây dựng.

Câu 54: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ số 18 nối Hà Nội với tỉnh, thành phố nào sau đây?

- A. Hải Phòng. B. Nam Định. C. Lạng Sơn. D. Quảng Ninh.

Câu 55: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

- A. Lào Cai. B. Kon Tum. C. Vĩnh Phúc. D. Quảng Ninh.

Câu 56: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết nơi nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Phố cổ Hội An. B. Vịnh Hạ Long. C. Cố đô Huế. D. Di tích Mỹ Sơn.

Câu 57: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về đặc điểm tự nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Có đồng bằng châu thổ sông rộng lớn nhất nước ta.
- B. Đỉnh núi cao nhất là Pu Xai Lai Leng nằm trên dãy Trường Sơn Bắc.
- C. Địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế, chủ yếu là hướng vòng cung.
- D. Hướng chính trong cấu trúc địa hình là tây bắc - đông nam.

Câu 58: Địa hình cao ở rìa phía Tây, tây Bắc, thấp dần ra biển và bị chia cắt thành nhiều ô là đặc điểm địa hình của:

- A. Đồng bằng ven biển miền Trung.
- B. Đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 59: Vai trò của biển đến khí hậu nước ta trong mùa đông là:

- A. Làm giảm nền nhiệt độ.
- B. Làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô.
- C. Mang mưa đến cho khu vực ven biển và đồng bằng Bắc Bộ.
- D. Tăng độ ẩm các khói khí đi qua biển.

Câu 60: Đặc điểm *không đúng* với vị trí địa lí nước ta là:

- A. Nằm ở phía Đông của bán đảo Đông Dương.
- B. Nằm trong khu vực phát triển kinh tế sôi động của thế giới.
- C. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- D. Nằm ở trung tâm các vành đai động đất và sóng thần trên thế giới.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUỐC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2000	2005	2010	2016
Tổng sản lượng thuỷ sản	2 250,5	3 465,9	5142,7	6895
Khai thác	1 660,9	1 987,9	2414,4	3237
Nuôi trồng	589,6	1 478,0	2728,3	3658

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2000 - 2016?

- A. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác.
- B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.
- C. Tổng sản lượng thủy sản tăng.
- D. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.

Câu 62: Vùng biển thuận lợi nhất cho nghề làm muối ở nước ta là

- A. Bắc Bộ
- B. Nam Bộ
- C. Nam Trung Bộ
- D. Bắc Trung Bộ

Câu 63: Ranh giới được coi như đường biên giới quốc gia trên biển nước ta là

- A. ranh giới phía ngoài vùng đặc quyền kinh tế .
- B. ranh giới giữa vùng tiếp giáp lãnh hải và đặc quyền kinh tế .
- C. đường cơ sở.
- D. ranh giới giữa vùng lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 64: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là:

- A. Gồm các dãy núi song song và so le hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- B. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- C. Có địa hình cao nhất nước ta.
- D. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

Câu 65: Ảnh hưởng của địa hình vùng núi Tây Bắc tới đặc điểm sông ngòi của khu vực này là

- A. Quy định hướng sông là Tây Bắc - Đông Nam.
- B. Quy định hướng sông là Tây - Đông.
- C. Chê độ nước phân hóa theo mùa.
- D. Hệ thống sông ngòi dày đặc.

Câu 66: Đặc điểm khác biệt nổi bật về địa hình của ĐBSH so với ĐBSCL là

- A. có một số vùng trũng do chưa được phù sa bồi lấp hết.
- B. có hệ thống đê ngăn lũ.
- C. địa hình thấp, bằng phẳng.
- D. không ngừng mở rộng ra phía biển.

Câu 67: Vị trí địa lý nước ta tạo thuận lợi cho việc

- A. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới
- B. phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt và ôn đới
- C. bảo vệ an ninh quốc phòng
- D. phát triển nền kinh tế nhiều thành phần

Câu 68: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG KÍNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ
CỦA NƯỚC TA. (Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2014	2017
Nhà nước	264,7	119,1	18,1
Ngoài Nhà nước	609,2	1 387,6	1 412,7
Đầu tư nước ngoài	267,6	356,7	288,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với tỉ trọng của các thành phần kinh tế trong cơ cấu sản lượng đường kính của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017?

- A. Tỉ trọng khu vực Ngoài Nhà nước giảm và giảm nhiều hơn khu vực Nhà nước.
- B. Tỉ trọng khu vực Ngoài nhà nước tăng và lớn hơn khu vực Đầu tư nước ngoài.
- C. Tỉ trọng khu vực Đầu tư nước ngoài tăng và nhỏ hơn khu vực Nhà nước.
- D. Tỉ trọng khu vực Nhà nước giảm và giảm ít hơn khu vực Đầu tư nước ngoài.

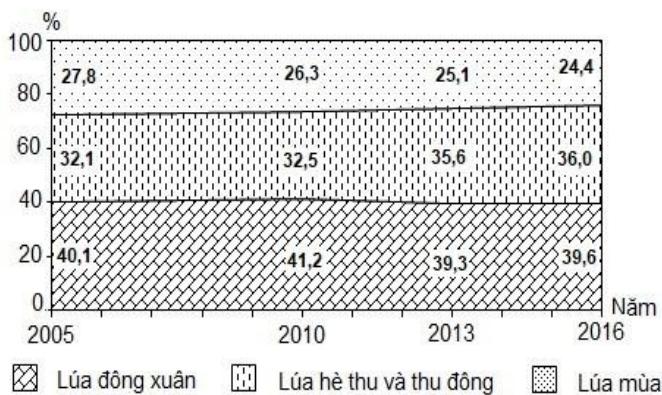
Câu 69: Hệ sinh thái phát triển mạnh ở vùng đất triều bãi cửa sông, ven biển của nước ta là

- A. rừng ngập nước.
- B. trảng cỏ cây bụi.
- C. thảm cỏ ngập nước.
- D. rừng ngập mặn.

Câu 70: Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành của dài đồng bằng duyên hải miền Trung nên:

- A. các đồng bằng kéo dài và hẹp ngang.
- B. có một số đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn.
- C. đát nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, ít phù sa sông.
- D. bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

Câu 71: Cho biểu đồ:



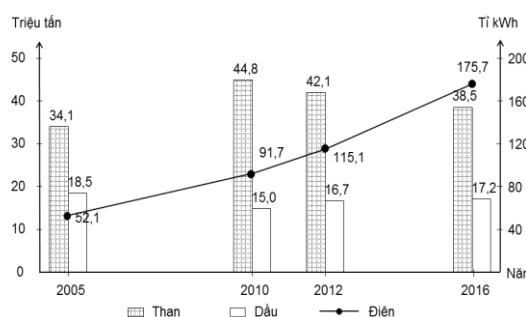
SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 - 2016 (%)

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016?

- A. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân giảm.
- B. Lúa đông xuân tăng, lúa hè thu và thu đông giảm.
- C. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng.
- D. Lúa đông xuân tăng, lúa mùa giảm.

Câu 72: Cho biểu đồ về than, dầu và điện của nước ta giai đoạn 2005 - 2016:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây ?

- A.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu và điện.
- B.** Quy mô và cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.
- C.** Sản lượng than, dầu và điện.
- D.** Cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.

Câu 73: Đặc điểm về vị trí địa lý khiến thiên nhiên nước ta khác hẳn các nước ở Tây Á, Đông Phi, Tây Phi là

- A.** tiếp giáp với biển Đông rộng lớn.
- B.** nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa và tiếp giáp với biển Đông.
- C.** nằm gần khu vực xích đạo.
- D.** nằm ở rìa đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.

Câu 74: Khó khăn lớn nhất về mặt tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồi núi là:

- A.** khoáng sản có nhiều mỏ trữ lượng nhỏ, phân tán trong không gian.
- B.** đất trồng cây lương thực bị hạn chế.
- C.** khí hậu có sự phân hóa phức tạp.
- D.** địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối hẻm vực, trở ngại cho giao thông.

Câu 75: Dạng địa hình nào sau đây ở vùng ven biển rất thuận lợi cho xây dựng cảng biển

- A.** vịnh, cửa sông.
- B.** các vũng, vịnh nước sâu.
- C.** các tam giác châu với bãi triều rộng.
- D.** các bờ biển mài mòn.

Câu 76: Địa hình nhiều đồi núi nhưng ở nước ta tính chất nhiệt đới không bị phá vỡ là do

- A.** chủ yếu là núi trung bình và núi cao.
- B.** vị trí nước ta nằm gần Biển Đông.
- C.** chủ yếu là đồi núi thấp.
- D.** nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

GDP VÀ SỐ DÂN CỦA TRUNG QUỐC, GIAI ĐOẠN 1985 - 2017

Năm	1985	1995	2004	2010	2017
GDP (tỷ USD)	239,0	697,6	1649,3	6087,0	12143,0
Số dân (triệu người)	1070	1211	1299	1347	1386

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP và số dân của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2017, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A.** Cột ghép.
- B.** Đường.
- C.** Kết hợp.
- D.** Cột chồng.

Câu 78: Trong những ngày vừa qua của tháng 10/2020, các tỉnh miền Trung nước ta liên tục xảy ra mưa lớn gây ra sạt lở đất, lũ và ngập lụt trên diện rộng gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Các địa phương chịu thiệt hại nặng nhất là:

- A.** Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng.
- B.** Đà Nẵng và Hà Tĩnh.
- C.** Thừa Thiên Huế và Quảng Trị
- D.** Quảng Trị và Nghệ An.

Câu 79: Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên miền đồi núi có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ sinh thái cho cả vùng đồng bằng bởi vì

- A.** phù sa của các con sông lớn mang vật liệu từ miền núi bồi lấp cho vùng đồng bằng.
- B.** giữa địa hình đồi núi và đồng bằng có mối quan hệ chặt chẽ về mặt phát sinh và các quá trình tự nhiên hiện đại (sông ngòi, khí hậu).
- C.** miền núi nước ta giàu tài nguyên khoáng sản.
- D.** nhiều nhánh núi đâm ngang ra biển làm thu hẹp, chia cắt dải đồng bằng ven biển.

Câu 80: Nhân tố quyết định tính chất phong phú về thành phần loài của giới thực vật tự nhiên ở Việt Nam là

- A.** vị trí nằm ở nơi giao lưu của các luồng di cư sinh vật.
- B.** sự phong phú, đa dạng của các nhóm đất.
- C.** địa hình đồi núi chiếm ưu thế và phân hóa phức tạp.
- D.** khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

----- HẾT -----